TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: **63/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10 - 2020
V/v:“ Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Vũ Văn Hợp;

2. Bà Huỳnh Phương Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa* - Ông Lâm Sển - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, về việc *"Tranh chấp ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Hòa L, xã Th L, huyện C Th, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Tho có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp H L, xã Th L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Q vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:* Vào năm 2007, chị và anh Lê Văn Q quen biết và tiến đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ

chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2007.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q không lo làm ăn, thường xuyên an chơi, cờ bạc, gây nợ nần và chị đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh Q nhưng anh Q vẫn không thay đổi từ đó tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn, rạn nứt, tuy chị rất muốn hàn gắn, duy trì mối quan hệ này nhưng bất thành và đến tháng 02/2020 anh Q đã bỏ đi qua bên nhà cha mẹ ruột anh Q sống và đã ly thân với nhau từ tháng 02/2020 đến nay.

Nay chị Th xét thấy không còn tình cảm với anh Q nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Lê Văn Q

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Q có 02 người con chung tên Lê Đức Phương, sinh ngày 27/12/2008 và Lê Thị Anh Thư, sinh ngày 30/3/2011 hiện đang sống với anh Q.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Th yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Lê Văn Q

- Về con chung: Chị Th thống nhất giao 02 người con chung tên Lê Đức Phương, sinh ngày 27/12/2008 và Lê Thị Anh Thư, sinh ngày 30/3/2011 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu Đức Phương và cháu Anh Thư.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn Q đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Q đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q. Anh Q vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị Th Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Q: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh Q tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Th.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Th khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Lê Văn Q có hộ khẩu thường trú ấp Hòa L, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh Q đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Q vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Th và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2007 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Th

nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh Q sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình, anh Q thường xuyên cờ bạc từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mặc dù chị cố gắng để níu kéo cuộc hôn nhân này nhưng bất thành. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do thể hiện anh Q không muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th, anh Q đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để ổn định cuộc sống. Tòa án cũng đã xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương: Theo ông Nguyễn Văn Ri - Trưởng ấp Hòa L xác nhận, anh Q vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường thú tại ấp Hòa L, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Trước tháng 4/2020 anh Q vẫn còn sinh sống trên căn nhà của vợ chồng tại ấp Hòa L đến tháng 4/2020 thì giữa anh Q và chị Th xảy ra mâu thuẫn và đã bỏ về nhà cha mẹ ruột anh Q để sống nhưng anh Q vẫn tới lui địa phương để làm các thủ tục hành chính tại địa phương.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh Q.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Th xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Lê Đức Phương, sinh ngày 27/12/2008 và Lê Thị Anh Thư, sinh ngày 30/3/2011. Hiện nay các con đang sống cùng với anh Q, chị Th đồng ý giao 02 người con chung cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Q bất hợp tác và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét, nếu sau này anh Q có yêu cầu thì anh Q có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Q đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị Th và anh Q được. Hơn nữa tại phiên toà chị Th xác nhận vợ chồng chị không tạo lập được tài

sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị T cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 - 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th với anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Đức Phương, sinh ngày 27/12/2008 và Lê Thị Anh Thư, sinh ngày 30/3/2011 cho anh Quang tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét (miễn xét).

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét (miễn xét).

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Tho được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là

300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002420, ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Th không phải nộp thêm.

6. *" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014"*

7. Chị Thocó quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyệnChâu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Danh Pì Sách